TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-KDTM	*Thuận An, ngày 17 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 43/TLST-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2019

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH N; trụ sở: Khu phố K, phường T, thị xã T1, tỉnh B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông S1 – chủ tịch kiêm Tổng giám đốc; địa chỉ: Phường A, Quận B1, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Mỹ L, sinh năm 1991; địa chỉ liên lạc: Khu phố K, phường T, thị xã T1, tỉnh B (theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2019)

- Bị đơn: Công ty TNHH S; trụ sở: Lô C, đường số N, KCN V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K1 – Tổng Giám đốc; địa chỉ: Lô C, đường số N, KCN V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T2, sinh năm 1981- nhân viên pháp lý; địa chỉ: Đường NN2, ấp C, xã H2, thành phố B2, tỉnh Đ(theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2020)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Công ty TNHH S nhận trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền 269.963.838 đồng (hai trăm sáu mươi chín triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm ba mươi tám đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho người được thi hành án thì

hàng tháng người phải thi hành án thì còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời hạn và số tiền chậm trả.

2.2. Thời hạn thanh toán:

Ngày 05/02/2020 Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 05/03/2020 Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 05/04/2020 Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 05/05/2020 Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 05/06/2020 Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 05/07/2020 Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 05/08/2020 Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 05/09/2020 Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 05/10/2020 Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 05/11/2020 Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 05/12/2020 Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 05/01/2021 Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngày 05/02/2021 Công ty TNHH S phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 29.963.838 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm ba mươi tám đồng).

(Tất cả ngày tháng năm thanh toán tiền nợ được tính theo ngày, tháng, năm dương lịch.)

2.3. Về án phí: Công ty TNHH S phải chịu 3.374.548 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng); Công ty TNHH N phải chịu 3.374.548 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tố Uyên